| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN U MINH**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **101**/2023/DS-ST
Ngày 28-6-2023
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Minh Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Trần Minh Trường

***- Thư ký phiên tòa:*** Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Bà Ngô Kim Đ, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967 (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn K:* Bà Ngô Kim Đ, sinh năm 1969 – Theo văn bản ủy quyền ngày 15-3-2023 (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* 1. Bà Lê Phương T (vắng mặt)

2. Ông Lê Văn K1 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 15-3-2023 và bản tự khai ngày 27-6-2023, nguyên đơn bà Ngô Kim Đ và ông Nguyễn Văn K cùng trình bày*: Quá trình vợ chồng bà Ngô Kim Đ và ông Nguyễn Văn K làm chủ hụi, vợ chồng bà Lê Phương T và ông Lê Văn K1 có tham gia các dây hụi cụ thể như sau (các dây hụi đều mở ngày âm lịch):

Dây thứ nhất: Mở ngày 06-11-2019, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, tổng cộng 34 phần, bà T và ông K1 tham gia 01 phần. Phần hụi này bà

T và ông K1 đã hốt vào lần thứ 10 (tháng 8-2020), bà Đ và ông K đã chung hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi thì bà T và ông K1 đóng hụi chết đến hết tháng 7-2022. Từ tháng 8-2022 đến mãn hụi tháng 9-2022 (là 02 tháng) thì bà T và ông K1 không đóng hụi chết nên bà Đ và ông K đã xuất tiền ra đóng hụi chết thay cho bà T và ông K1 (do dịch bệnh nên bà Đ và ông K không khui hụi tháng 11 và tháng 12-2021). Như vậy, bà T và ông K1 nợ lại bà Đ và ông K 02 tháng x 5.000.000 đồng/tháng/phần x 01 phần = 10.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 10-6-2020, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, tổng cộng 31 phần, bà T và ông K1 tham gia 01 phần. Phần hụi này bà T và ông K1 đã hốt vào lần thứ 05 (tháng 10-2020), bà Đ và ông K đã chung hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi thì bà T và ông K1 đóng hụi chết đến hết tháng 11-2022. Từ tháng 12-2022 đến mãn hụi tháng 02-2023 (là 03 tháng) thì bà T và ông K1 không đóng hụi chết nên bà Đ và ông K đã xuất tiền ra đóng hụi chết thay cho bà T và ông K1 (do dịch bệnh nên bà Đ và ông K không khui hụi tháng 11 và tháng 12-2021). Như vậy, bà T và ông K1 nợ lại bà Đ và ông K 03 tháng x 5.000.000 đồng/tháng/phần x 01 phần = 15.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Mở ngày 25-11-2020, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, tổng cộng 27 phần, bà T và ông K1 tham gia 01 phần. Phần hụi này bà T và ông K1 đã hốt vào lần thứ 07 (tháng 5-2021), bà Đ và ông K đã chung hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi thì bà T và ông K1 đóng hụi chết đến hết tháng 11-2022. Từ tháng 12-2022 đến mãn hụi tháng 3-2023 (là 04 tháng) thì bà T và ông K1 không đóng hụi chết nên bà Đ và ông K đã xuất tiền ra đóng hụi chết thay cho bà T và ông K1 (do dịch bệnh nên bà Đ và ông K không khui hụi tháng 11 và tháng 12-2021). Như vậy, bà T và ông K1 nợ lại bà Đ và ông K 04 tháng x 5.000.000 đồng/tháng/phần x 01 phần = 20.000.000 đồng.

Dây thứ tư: Mở ngày 15-02-2021, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, tổng cộng 30 phần, bà T và ông K1 tham gia 01 phần. Phần hụi này bà T và ông K1 đã hốt vào lần thứ 01 (tháng 02-2021), bà Đ và ông K đã chung hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi thì bà T và ông K1 đóng hụi chết đến hết tháng 12-2022. Từ tháng 01-2023 đến mãn hụi tháng 9-2023 (là 09 tháng) thì bà T và ông K1 không đóng hụi chết nên bà Đ và ông K đã xuất tiền ra đóng hụi chết thay cho bà T và ông K1 (do dịch bệnh nên bà Đ và ông K không khui hụi tháng 11 và tháng 12-2021). Như vậy, bà T và ông K1 nợ lại bà Đ và ông K 09 tháng x 5.000.000 đồng/tháng/phần x 01 phần = 45.000.000 đồng.

Dây thứ năm: Mở ngày 10-6-2020, loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, tổng cộng 30 phần, bà T và ông K1 tham gia 01 phần. Phần hụi này bà T và ông K1 đã hốt vào lần thứ 10 (tháng 3-2021), bà Đ và ông K đã chung hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi thì bà T và ông K1 đóng hụi chết đến hết tháng 3-2022. Từ tháng 4-2022 đến mãn hụi tháng 01-2023 (là 09 tháng) thì bà T và ông K1 không đóng hụi chết nên bà Đ và ông K đã xuất tiền ra đóng hụi chết thay cho bà T và ông K1 (do dịch bệnh nên bà Đ và ông K không khui hụi tháng 11 và tháng 12-

2021). Như vậy, bà T và ông K1 nợ lại bà Đ và ông K 09 tháng x 3.000.000 đồng/tháng/phần x 01 phần = 27.000.000 đồng.

Tổng số tiền của 05 dây hụi mà bà T và ông K1 nợ bà Đ và ông K là 117.000.000 đồng. Bà Đ và ông K nhiều lần yêu cầu bà T và ông K1 trả nợ hụi nhưng bà T và ông K1 chỉ hứa hẹn mà không trả. Do đó, bà Đ và ông K khởi kiện yêu cầu bà T và ông K1 trả cho bà Đ và ông K tổng số tiền nợ hụi là 117.000.000 đồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà T và ông K1 có trả cho bà Đ và ông K số tiền 10.000.000 đồng. Nay bà Đ và ông K yêu cầu bà T và ông K1 trả cho bà Đ và ông K số tiền nợ hụi còn lại là 107.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Phương T và ông Lê Văn K1 đúng theo quy định pháp luật, nhưng bà T và ông K1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27-6-2023, nguyên đơn bà Ngô Kim Đ có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn bà Lê Phương T và ông Lê Văn K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Lê Phương T và ông Lê Văn K1 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Nguyên đơn bà Đ và ông K đã cung cấp 05 tờ "giao kèo chơi hụi" thể hiện quá trình làm chủ hụi, bà T và ông K1 có tham gia giao dịch, số phần tham gia vào các dây hụi nêu trên là thực tế có xảy ra. Sau khi ông K1 và bà T hốt hụi không đóng lại hụi chết, đối chiếu thời điểm bị đơn hốt các phần hụi mà nguyên đơn đã giao, thời điểm ngưng đóng hụi đến khi mãn 05 dây hụi bà T và ông K1 còn nợ bà Đ và ông K tổng số tiền hụi 117.000.000 đồng. Sau khi nộp đơn khởi kiện thì bà T và ông K1 có trả cho bà Đ và ông K số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, buộc bà T và ông K1 có trách nhiệm trả cho bà Đ và ông K số tiền hụi còn nợ lại là 107.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 107.000.000 đồng x 5% = 5.350.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim Đ và ông Nguyễn Văn K. Buộc bà Lê Phương T và ông Lê Văn K1 có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Kim Đ và ông Nguyễn Văn K số tiền nợ hụi là 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

*Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Phương T và ông Lê Văn K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.350.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), chưa nộp.

Hoàn trả cho bà Ngô Kim Đ và ông Nguyễn Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.925.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp ngày 16-3-2023 theo biên lai thu số 0011032 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Dương Minh Út**